

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP

TÊN HỌC PHẦN: CƠ HỌC ĐẤT
MÃ HỌC PHẦN : MEC - 316

HỌC KỲ
TÍN CHỈ
LẦN THI

HÈ
2
1

Ngày thi: 02/07/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	151211078	NGUYỄN VĂN SANG	C15XCD2	0			0		0			V	0.0	Khăng			
2	122210280	HỒ VĂN LŨY	K13XDD1	9			8.5		8			5.5	6.9	Sầu pháy Chên			
3	132214405	HOÀNG ĐỨC ẮNH	K13XDD1	9			8		7			8	8.0	Tầm			
4	132214591	PHAN THANH TRUNG	K13XDD2	8			7		4			6.5	6.4	Sầu pháy Bấu			
5	132214629	NGUYỄN THÁI NGUYỄN	K13XDD2	9			7.5		6			8	7.8	Báy pháy Tầm			
6	112210259	DƯƠNG MINH HÙNG	K13XDD3	8			7.5		7			8.5	8.1	Tầm pháy Mất			
7	122210249	NGUYỄN MẠNH DŨNG	K13XDD3	8			7		6			6	6.5	Sầu pháy Nầm			
8	122210338	THÁI MINH VIỆT	K13XDD3	8			7.5		7			7	7.2	Báy pháy Hai			
9	132214403	PHẠM QUỐC ANH	K13XDD3	8			8		8			8.5	8.3	Tầm pháy Ba			
10	132214420	NGUYỄN CÔNG CƯỜNG	K13XDD3	9			7.5		5			7	7.1	Báy pháy Mất			
11	132214424	ĐẶNG CÔNG ĐIỆP	K13XDD3	10			8		6			6	6.9	Sầu pháy Chên			
12	132214426	LÊ DOÃN DOANH	K13XDD3	8			8		8			7	7.5	Báy pháy Nầm			
13	132214428	NGUYỄN ĐẠI ĐỨC	K13XDD3	8			7		5			4	5.2	Nầm pháy Hai			
14	132214432	LÂM VĂN DŨNG	K13XDD3	9			8		7			7	7.5	Báy pháy Nầm			
15	132214433	LÊ DUY DŨNG	K13XDD3	9			7		5			4.5	5.6	Nầm pháy Sầu			
16	132214438	BÙI ĐẠI DƯƠNG	K13XDD3	8			7		5			5.5	6.0	Sầu			
17	132214450	PHAN BÁ HIẾU	K13XDD3	8			7.5		7			6.5	7.0	Báy			
18	132214461	NGUYỄN TRƯỜNG HỒNG	K13XDD3	9			7		5			4	5.4	Nầm pháy Bấu			
19	132214519	ĐỖ QUANG PHỤNG	K13XDD3	8			7		4			7	6.7	Sầu pháy Báy			
20	132214527	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	K13XDD3	9			8		7			6.5	7.2	Báy pháy Hai			
21	132214539	NGUYỄN DƯƠNG QUYỀN	K13XDD3	8			7		4			6	6.2	Sầu pháy Hai			
22	132214542	TRẦN NHẤT SANH	K13XDD3	9			9		8.5			7	7.8	Báy pháy Tầm			
23	132214552	PHAN VĨNH THẠCH	K13XDD3	9			7		5			9	8.1	Tầm pháy Mất			
24	132214557	HUỲNH VĂN THANH	K13XDD3	8			8		7.5			7	7.4	Báy pháy Bấu			
25	132214563	NGUYỄN SỸ THÀNH	K13XDD3	9			7.5		6			5	6.1	Sầu pháy Mất			
26	132214568	PHAN ĐÌNH THOẠI	K13XDD3	9			9		9			6.5	7.6	Báy pháy Sầu			
27	132214573	CÙ HOÀNG THƯƠNG	K13XDD3	8			7		6.5			7	7.1	Báy pháy Mất			
28	132214577	DƯƠNG TÍNH	K13XDD3	9			7		5			7	7.0	Báy			
29	132214585	HỒ MINH TRIỀU	K13XDD3	9			7		4			7.5	7.1	Báy pháy Mất			
30	132214589	NGÔ VĂN TRUNG	K13XDD3	8			7		6.5			6	6.5	Sầu pháy Nầm			
31	132214594	TRẦN ĐÌNH TRƯỜNG	K13XDD3	8			7		5			7.5	7.1	Báy pháy Mất			
32	132214595	NGUYỄN NHẬT TRƯỜNG	K13XDD3	8			7		6			6.5	6.7	Sầu pháy Báy			
33	132214598	TRẦN VIỆT TUÂN	K13XDD3	10			8.5		7			6.5	7.4	Báy pháy Bấu			
34	132214603	NGUYỄN MẠNH TUẤN	K13XDD3	9			7		5			6	6.5	Sầu pháy Nầm			
35	132214632	DƯƠNG HỮU NHẬT	K13XDD3	10			9		8			6	7.4	Báy pháy Bấu			
36	132214638	NGUYỄN XUÂN HÙNG	K13XDD3	9			7		5			8	7.6	Báy pháy Sầu			
37	132214639	VÕ HỒNG MINH	K13XDD3	9			8.5		7			7.5	7.8	Báy pháy Tầm			
38	131218172	VÕ ĐĂNG LÂM	K14XCD	5			7		4			6.5	6.0	Sầu			
39	132224732	CAO LÂM	K14XDC	0			0		0			V	0.0	Khăng			
40	142221360	NGUYỄN ĐÌNH TÌNH	K14XDC	0			0		0			V	0.0	Khăng			

Ngày thi: 02/07/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ*
					15			15		15			55	100		
41	151214593	NGUYỄN DUY	NAM	K15XCD2	0			0		0			V	0.0	Khăng	
42	142220342	VƯƠNG CÔNG	THÀNH	T14XDC	7			7		5			5.5	5.9	Nằm pháy Chên	
43	142220346	HOÀNG CHÍ	TIỀN	T14XDC	8			7		4			7	6.7	Sầu pháy Báy	
44	142220348	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	T14XDC	7			7		6			6.5	6.6	Sầu pháy Sầu	
45	142220356	NGUYỄN TRUNG	VƯƠNG	T14XDC	7			7		4			5.5	5.7	Nằm pháy Báy	
46	142210180	MAI VĂN	GIÁP	T14XDD2	0			0		0			2	0.0	Khăng	
47	152210177	NGUYỄN ĐÌNH	HIẾU	T15XDD1	9			7		4			4.5	5.5	Nằm pháy Nằm	
48	152210185	HUỲNH KIM	NAM	T15XDD1	9			7.5		6			5	6.1	Sầu pháy Mất	
49	152210190	THÁI	ĐỊNH	T15XDD1	8			7		4			6	6.2	Sầu pháy Hai	
50	142210262	TẠ ĐÌNH	THỨC	T15XDD2	6			7		4			V	0.0	Khăng	
51	152210163	ĐẶNG VĂN	NGHĨA	T15XDD2	10			8		6			4	5.8	Nằm pháy Tâm	
52	152210196	TRẦN MINH	THUẬN	T15XDD2	9			7.5		6			6	6.7	Sầu pháy Báy	
53	152210214	NGUUYỄN QUỲNH	KHÁNH	T15XDD2	6			7		4			4.5	5.0	Nằm	
54	152210215	LƯU SƠN	TRÀ	T15XDD2	9			8		7			5	6.4	Sầu pháy Bấu	
55	152210217	ĐẶNG QUỐC	GIANG	T15XDD2	9			7.5		6			4.5	5.9	Nằm pháy Chên	
56	152210235	HÀ TẤN	NGHIỆP	T15XDD2	9			7		4			4	5.2	Nằm pháy Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	50	89%	
2	Số sinh viên nợ	6	11%	
TỔNG CỘNG :		56	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 07 tháng 07 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú